

Các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương

Factors affecting digital transformation of enterprises in Binh Duong province

Bùi Thị Hương

Trường Đại học Bình Dương, Bình Dương

E-mail: bthuong@bdu.edu.vn

Tóm tắt: Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đã mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó, bài viết đã nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Kết quả cho thấy có 7 yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương đó là: Chính sách của pháp luật và hỗ trợ của chính phủ; An toàn, bảo mật thông tin của doanh nghiệp; Quy trình số hóa; Chiến lược chuyển đổi số của doanh nghiệp; Các dịch vụ logistics và hỗ trợ của khách hàng; Nhân lực của doanh nghiệp; Cơ cấu tổ chức và quy trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ khóa: *Ảnh hưởng đến chuyển đổi số; các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số; chuyển đổi số; chuyển đổi số của doanh nghiệp; yếu tố ảnh hưởng chuyển đổi số*

Abstract: The 4th Industrial Revolution (Industry 4.0) has opened up many opportunities for businesses to access technology to optimize costs and increase business profits. Therefore, the article has studied the factors affecting the digital transformation of enterprises in Binh Duong province. The results show that there are 7 factors affecting the digital transformation of enterprises in Binh Duong province, which are: Legal policy and government support; Safety and confidentiality of enterprise information; Digitization process; Digital transformation strategy of enterprises; Logistics services and customer support; Human resources of the enterprise; Organizational structure and business processes of the enterprise.

Keywords: *Digital conversion; Digital transformation of enterprises; Factors influencing digital transformation; Factors affecting digital transformation; Factors influencing digital transformation*

1. Giới thiệu

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) đã mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Chính lúc này, chuyển đổi số góp phần giúp các doanh nghiệp định hình lại phương thức sản xuất – kinh doanh, cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh đồng thời giúp doanh nghiệp hình thành các quan hệ sản xuất mới. Đặc biệt trong tình hình đại dịch Covid – 19 vừa

qua việc không tiếp xúc trực tiếp trong mọi hoạt động đã giúp cho các doanh nghiệp nhìn nhận được rõ ràng mức độ quan trọng của chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, nó trở thành điểm trọng yếu quyết định đến sự sống còn của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi số đã và đang diễn ra trên mọi lĩnh vực, từ lĩnh vực tài chính, du lịch, giao thông, dịch vụ công. Điều đó cho thấy kể cả doanh nghiệp lẫn các đơn vị nhà nước xu

hướng chuyển đổi số trở thành tâm điểm trong đầu tư, trong đó một vài xu hướng đang được hướng đến như: điện toán đám mây, internet vạn vật (IoT), ứng dụng robot vào lĩnh vực sản xuất, công nghệ thực tế ảo VR. Có thể thấy chuyển đổi số diễn ra trên mọi lĩnh vực như Brenen và Kreiss (2016) nhận định, chuyển đổi số là quá trình sử dụng công nghệ để tái cấu trúc nền kinh tế, thể chế và xã hội [1].

Nhận định được tầm quan trọng của việc chuyển đổi số, Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung đã có nhiều chính sách, kế hoạch để giúp các doanh nghiệp chuyển đổi số, trong đó phải kể đến việc tỉnh Bình Dương đã chủ động trong việc ký các thỏa thuận hợp tác với VNPT giai đoạn 2021 – 2026 tiếp tục hợp tác chuyển đổi số trong giai đoạn trên với nhiều nội dung cụ thể, mục tiêu và định hướng chuyển đổi số. Điều này tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thành công trong việc chuyển đổi số giúp tăng hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, tạo nguồn thu cho doanh nghiệp và đóng góp vào nguồn ngân sách cho sự phát triển của tỉnh nhà.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm về chuyển đổi số

Siebel (2019) định nghĩa bản chất chuyển đổi số là sự hội tụ của 4 công nghệ đột phá sau: “công nghệ điện toán đám mây (cloud computing), dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI)” [2]. Chính 04 công nghệ đột phá này cùng hội tụ lại khiến cho chuyển đổi số ảnh hưởng trên diện rộng và phạm vi hoạt động rất lớn. Lãnh đạo ở nhiều lĩnh vực quan tâm nhiều hơn đối với chuyển đổi số để điều chỉnh hoạt động của mình, trong đó nhà quản trị nhân sự quan tâm đến chuyển đổi số để tái cấu trúc nền kinh tế, doanh nghiệp, ngành nghề và các tác động lên chính lực lượng lao động của họ; trong

khi đó các nhà quản lý kỹ thuật lại quan tâm nhiều đến việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật để có thể tạo ra những giá trị mới...

Theo Matzler và cộng sự (2016), “chuyển đổi số có nghĩa là việc sử dụng nhiều công nghệ hiện đại cùng một lúc như công nghệ điện toán đám mây, công nghệ cảm biến, dữ liệu lớn (big data)... để tạo ra những sản phẩm mới, hay một mô hình kinh doanh mới” [3].

2.2. Sự cần thiết phải chuyển đổi số

Khi tiến bộ công nghệ dẫn dắt nền kinh tế thế giới bước vào cuộc CMCN 4.0, khoảng cách giữa không gian kỹ thuật số và không gian vật lý đang ngày càng được thu hẹp lại. Các nền tảng công nghệ đã giúp cho việc thu thập và phân tích nguồn dữ liệu trên nhiều thiết bị, cho phép các quá trình vận hành được diễn ra liên tục và nhanh chóng mang lại hiệu quả cao hơn trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, mang lại cho khách hàng – người tiêu dùng những hàng hóa chất lượng cao với chi phí hợp lý hơn và trải nghiệm dịch vụ được tốt hơn. Tất cả những điều đó là do các doanh nghiệp đã và đang tận dụng có hiệu quả nền công nghệ số mang lại.

Chuyển đổi số giúp cho các doanh nghiệp tối ưu hóa tổ chức hoạt động, các quy trình trở nên dễ dàng thực hiện hơn, chi phí giảm đáng kể, năng suất lao động được nâng cao và giúp cho các ngành công nghiệp mới phát triển. Chính công nghệ số giúp cho việc trao đổi hàng hóa, hàng hóa dịch chuyển từ nhà sản xuất đến các kênh phân phối và người tiêu dùng diễn ra dễ dàng hơn thông qua thương mại điện tử. Qua đó, mang lại nhiều lợi ích cho người tiêu dùng khi có nhiều cơ hội tiếp cận với nhiều mặt hàng của các nhà cung cấp với giá cả cạnh tranh. Nhờ có chuyển đổi số mà các ngành công nghiệp bước

sang một kỷ nguyên mới và đạt được nhiều thành quả mang tính đột phá trong mô hình kinh doanh, từ thương mại điện tử, quảng cáo trên các kênh mạng xã hội như Instagram, facebook, tictok; giao thông vận tải như GoViet, Grap đến phân phối, bán buôn và bán lẻ như Shopee, Lazada, Sendo. Ngoài ra, đối với Chính phủ đã tận dụng được thế mạng và những lợi ích của Chính phủ điện tử để thực hiện có hiệu quả trong việc phổ cập các dịch vụ y tế, biến đổi khí hậu hay quản lý đô thị... Với những lợi ích to lớn do chuyển đổi số mang lại như trên có thể khẳng định chuyển đổi số là một quy luật tất yếu cho các doanh nghiệp đứng trước sự bùng nổ của cuộc CMCN 4.0.

2.3. Mô hình đề xuất

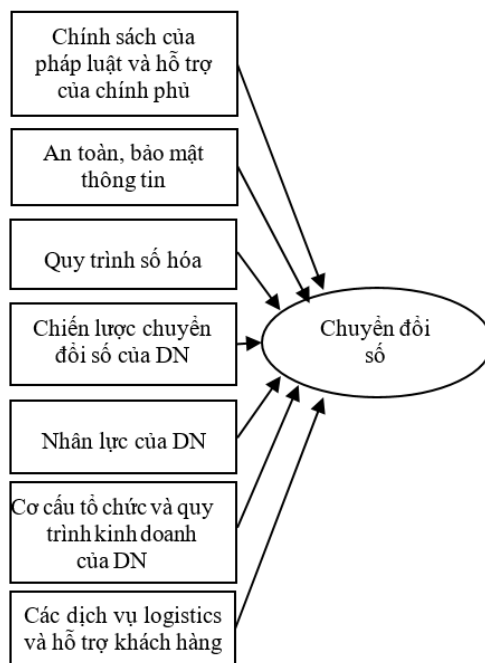
2.3.1. Chính sách pháp luật và hỗ trợ của chính phủ

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước của chúng ta đã nhận thức sớm về tầm quan trọng của chuyển đổi số. Vì vậy, trong một thời gian ngắn, đã có nhiều chính sách và văn bản pháp luật được ban hành nhằm tận dụng các cơ hội mà công nghệ số mang lại. Chúng ta đã sẵn sàng đối mặt với những thách thức xảy ra, bao gồm việc đưa ra chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2023 (Bùi Đức Hưng, 2021) [4].

2.3.2. An toàn bảo mật thông tin của doanh nghiệp

Trong thời đại của công nghệ số, khi các nền tảng số phát triển rộng rãi và số lượng người sử dụng ngày càng gia tăng, vấn đề bảo mật mạng, quản lý rủi ro an toàn số và quản lý rủi ro an toàn thông tin đã trở thành những vấn đề được quan tâm bởi các quốc gia nhằm chống chọi với tội phạm công nghệ cao hoạt động với cường độ mạnh, với nhiều

hình thức tinh vi thông qua việc sử dụng công nghệ tiên tiến [5].



Hình 1. Mô hình đề xuất

(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

2.3.3. Quy trình số hóa

Số hóa ở đây ám chỉ việc sử dụng các công nghệ số để chuyển đổi những thành phần không phải kỹ thuật số thành dạng hoặc định dạng kỹ thuật số để có thể xử lý và quản lý dễ dàng hơn [5].

2.3.4. Chiến lược chuyển đổi số của doanh nghiệp

Trong thời đại hiện nay, công nghệ thông tin đã trở thành yếu tố cực kỳ quan trọng trong mọi hoạt động của các doanh nghiệp. Để tồn tại và phát triển, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng phải áp dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng chiến lược và quản trị doanh nghiệp. Việc xây dựng các chiến lược chuyển đổi số nhằm mục tiêu thực hiện thành công các mục tiêu của chuyển đổi số [6].

2.3.5. Nhân lực của doanh nghiệp

Trước tình hình hiện nay, nhân sự trong doanh nghiệp cần phải có nhiều kỹ năng

để đáp ứng các yêu cầu ngày càng tăng cao do sự phát triển của công nghệ, bao gồm việc áp dụng các công cụ kỹ thuật số như "big data", Internet of things, tương tác giữa người máy [6].

2.3.6. Cơ cấu tổ chức và quy trình kinh doanh của doanh nghiệp

Sự tích hợp với các dịch vụ bên ngoài trong hoạt động của doanh nghiệp sẽ đánh tan cấu trúc công việc truyền thống chỉ tồn tại trong nội bộ. Các mối quan hệ trong quá trình vận hành công việc sẽ được mở rộng khi có sự tham gia của các đối tác bên ngoài doanh nghiệp [7].

2.3.7. Các dịch vụ logistics và hỗ trợ khách hàng

Trong tình hình mới, việc áp dụng logistic trong hoạt động kinh doanh và chăm sóc khách hàng đã trở thành yếu tố quan trọng trong thành công của các doanh nghiệp. Để thực hiện điều này, việc số hóa dữ liệu và áp dụng công nghệ số vào các quy trình trở thành một yêu cầu cấp bách. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải cải tiến và tối ưu hóa quản lý và sử dụng nguồn lực để mang lại sự phục vụ tốt nhất cho khách hàng [8].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được tiến hành thông qua kỹ thuật phỏng vấn với 5 người, là các chuyên gia trong lĩnh vực chuyển đổi số và giám đốc doanh nghiệp đã thực hiện thành công chuyển đổi số thành công trong doanh nghiệp nhằm phát hiện thêm các yếu tố mới có ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong các doanh nghiệp và bổ sung thêm các thang đo phù hợp với nghiên cứu. Bước đầu tác giả phỏng vấn thông qua các câu hỏi mở có tính chất khám phá để xem họ phát hiện thêm các yếu tố nào và theo những khía cạnh nào ảnh hưởng đến chuyển đổi số của doanh nghiệp. Sau

đó, tác giả giới thiệu các yếu tố đã đề và các biến quan sát để các chuyên gia điều chỉnh, bổ sung các thang đo, kiểm tra mức độ rõ ràng của từ ngữ, khả năng hiểu các phát biểu cũng như tính trùng lặp của các phát biểu trong thang đo sơ bộ để chuẩn bị thang đo sử dụng trong nghiên cứu chính thức.

3.2. Nghiên cứu định lượng

Đối tượng khảo sát: các doanh nghiệp đã chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Phương pháp thu thập dữ liệu: Khảo sát được tiến hành thông qua việc khảo sát 170 người thuộc các doanh nghiệp đã chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Dương bằng bảng hỏi chi tiết. Bảng hỏi này được gửi đến người được phỏng vấn qua google form.

Phương pháp phân tích số liệu: Dữ liệu thu thập được phân tích, xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0.

4. Kết quả nghiên cứu

Phân tích EFA các yếu tố ảnh hưởng chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Tác giả đã tiến hành phân tích cho 7 yếu tố ảnh hưởng chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương gồm 28 biến quan sát.

Kết quả phân tích EFA lần 1 cho thấy các biến quan sát được trích thành 7 nhóm yếu tố với tổng phương sai trích là 69,102 % > 50%, thang đo được chấp nhận. Hệ số KMO = 0,766 thuộc khoảng $0,5 \leq KMO \leq 1$, phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định Bartlett với Sig. = .000 thể hiện mức ý nghĩa cao. Hệ số tải nhân tố của tất cả các biến quan sát đều lớn hơn 0,55 các giá trị được chấp nhận [9]. Tuy nhiên, có 1 biến quan sát có hệ số tải nhân tố < 0,55 đó là: AT5 “Đảm bảo bí mật doanh nghiệp”. Kết quả EFA lần 2 sau

khi loại bỏ biến AT5 cho thấy: các biến quan sát được trích thành 7 nhóm với tổng phương sai trích là 70,015 % > 50%, thang đo được chấp nhận. Hệ số KMO = 0,791 thuộc khoảng $0,5 \leq KMO \leq 1$, phân tích nhân tố là thích hợp. Kiểm định Bartlett với Sig. = .000 thể hiện mức ý nghĩa cao. Hệ số tải nhân tố của tất cả các

biến quan sát > 0,55 nên các giá trị được chấp nhận [9].

Kết quả phân tích EFA lần 2 các yếu tố ảnh hưởng chuyển đổi số của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1. Bảng ma trận xoay

Rotated Component Matrixa							
	Component						
	1	2	3	4	5	6	7
CS4	0.831						
CS2	0.820						
CS1	0.751						
CS3	0.670						
NL3		0.870					
NL1		0.865					
NL2		0.708					
NL4		0.612					
DV2			0.832				
DV1			0.797				
DV3			0.745				
DV4			0.640				
CL4				0.821			
CL2				0.820			
CL3				0.794			
CL1				0.792			
AT4					0.864		
AT2					0.850		
AT1					0.768		
AT3					0.743		
CC1						0.881	
CC3						0.844	
CC2						0.832	
CC4						0.829	
QT3							0.799
QT2							0.775
QT1							0.641

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả

Bảng 2. Chỉ tiêu đánh giá sự phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² điều chỉnh	Độ lệch chuẩn được ước lượng	F thay đổi	Sig. F thay đổi	Hệ số Durbin-Watson
1	.771a	.751	.770	.20155	55.467	.000	1.701

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Kiểm định mô hình nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu được kiểm định thông qua phân tích hồi quy. Phương trình hồi quy bội giúp xác định ảnh hưởng của các yếu tố độc lập lên chuyển đổi số của các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Dương. Kết quả phân tích hồi quy tại bảng 2.

Kết quả cho thấy, mối quan hệ giữa các biến trong mô hình khá chặt chẽ (vì giá trị R = 0,781). Giá trị R² hiệu chỉnh = 0,770 (thỏa mãn điều kiện $0 \leq R^2 \leq 1$), nghĩa là độ thích hợp của mô hình xây dựng đạt 77%.

Giá trị R² điều chỉnh là 0,77 cho thấy 7 yếu tố độc lập trong mô hình giải thích được 77% sự biến thiên của biến phụ thuộc “chuyển đổi số”.

Hệ số Durbin - Watson là 1,701 (thuộc khoảng 1÷3), cho thấy không có sự tương

quan giữa các phần dư. Điều này khẳng định, tính độc lập của phần dư được đảm bảo.

Giá trị thống kê F = 55,467 tại mức ý nghĩa (Sig.) = 0,00 < 0,05 nên có thể kết luận rằng mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế.

Kết quả phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy được trình bày trong bảng 3 cho thấy, cả 7 biến độc lập AT, QT, NL, CC, CL, CS, DV đều có mức ý nghĩa (Sig.) < 0,05. Do đó, các biến AT, QT, NL, CC, CL, CS, DV tương quan có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc CDS với mức ý nghĩa 5%. Độ phóng đại phương sai (VIF) của các biến độc lập < 2, chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 3. Các thông số mô hình hồi quy bội

Biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Sig.	Đa cộng tuyến	
	Beta	Sai số chuẩn	Beta		Hệ số chấp nhận	Hệ số VIF
Hằng số	1,628E-16	.051		1,000		
AT	.331	.025	.331	.003	.354	1.341
NL	.321	.023	.321	.004	.367	1.487
CL	.314	.015	.314	.005	.558	1.439
QT	.297	.021	.297	.005	.289	1.077
CS	.285	.024	.285	.001	.449	1.485

Biến	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Sig.	Đa cộng tuyến	
	Beta	Sai số chuẩn	Beta		Hệ số chấp nhận	Hệ số VIF
DV	.251	.019	.251	.001	.245	1.347
CC	.246	.016	.246	.000	.688	1.141

Kết quả xử lý số liệu của tác giả

5. Các hàm ý quản trị

Từ kết quả nghiên cứu tác giả đề xuất 7 nhóm hàm ý nhằm nâng cao chuyển đổi số trong các doanh nghiệp đó là:

- Chính sách của pháp luật và hỗ trợ của doanh nghiệp: tạo ra các chính sách pháp luật thúc đẩy sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông. Các chính sách này có thể bao gồm việc cung cấp các khoản tài trợ và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là các doanh nghiệp mới bắt đầu chuyển đổi số. Ngoài ra, các chính sách pháp luật cũng có thể tập trung vào việc đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng. Điều này sẽ giúp tăng cường niềm tin của khách hàng đối với các doanh nghiệp chuyển đổi số và đồng thời giúp các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu về bảo mật thông tin của khách hàng. Cuối cùng, các chính sách pháp luật cũng có thể tập trung vào việc đào tạo và phát triển nhân lực. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp có đủ nhân lực có kỹ năng và kiến thức để thực hiện chuyển đổi số một cách hiệu quả.

- An toàn, bảo mật thông tin của doanh nghiệp: để đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số, cần áp dụng các giải pháp bảo mật mạng, sử dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến, đào tạo nhân viên về an toàn thông tin, thực hiện kiểm tra

bảo mật thường xuyên và sử dụng các dịch vụ bảo mật đám mây.

- Quy trình số hóa” Chiến lược chuyển đổi số của doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cần xác định mục tiêu và chiến lược số hóa rõ ràng để đảm bảo rằng quá trình chuyển đổi số được thực hiện một cách hiệu quả và đạt được kết quả mong muốn; Lựa chọn công nghệ phù hợp: Các doanh nghiệp cần lựa chọn công nghệ phù hợp để hỗ trợ quá trình chuyển đổi số. Các công nghệ này có thể bao gồm phần mềm quản lý quy trình, phần mềm quản lý tài liệu, phần mềm quản lý dữ liệu và các công nghệ khác; Thực hiện quá trình số hóa: Các doanh nghiệp cần thực hiện quá trình số hóa bằng cách chuyển đổi các quy trình thủ công sang các quy trình tự động hóa, sử dụng các công nghệ số hóa để tối ưu hóa quy trình và tăng cường hiệu quả.

- Nhân lực của doanh nghiệp: Để đáp ứng với các yêu cầu của công nghệ số, các doanh nghiệp cần đào tạo nhân viên của mình về các kỹ năng số hóa. Điều này có thể bao gồm đào tạo về phần mềm, công nghệ, quản lý dữ liệu và các kỹ năng khác liên quan đến chuyển đổi số; Tuyển dụng nhân viên có kỹ năng số hóa: Các doanh nghiệp cần tìm kiếm nhân viên có kỹ năng số hóa để đảm bảo rằng họ có đủ nhân lực để thực hiện chuyển đổi số. Các vị trí có thể bao gồm các chuyên gia về phần mềm, kỹ sư công nghệ, chuyên viên quản lý dữ

liệu và các vị trí khác liên quan đến chuyển đổi số.

- Cơ cấu tổ chức và quy trình kinh doanh của doanh nghiệp: Các doanh nghiệp cần đánh giá cơ cấu tổ chức hiện tại để xác định các vấn đề và cơ hội liên quan đến chuyển đổi số. Điều này có thể bao gồm đánh giá các quy trình kinh doanh hiện tại, cơ cấu tổ chức và các hệ thống thông tin; Thiết kế cơ cấu tổ chức mới: Các doanh nghiệp cần thiết kế cơ cấu tổ chức mới để đáp ứng với các yêu cầu của chuyển đổi số. Điều này có thể bao gồm tạo ra các bộ phận mới, thay đổi cấu trúc tổ chức và tạo ra các vị trí mới liên quan đến chuyển đổi số.

- Các dịch vụ logistic và hỗ trợ khách hàng: Các doanh nghiệp cần tối ưu hóa

quy trình logistic để đảm bảo rằng chúng phù hợp với các yêu cầu của chuyển đổi số. Điều này có thể bao gồm tối ưu hóa các quy trình vận chuyển, lưu trữ và quản lý kho hàng; Các doanh nghiệp có thể sử dụng các công nghệ số để tăng cường quy trình logistic của mình. Điều này có thể bao gồm sử dụng phần mềm quản lý kho hàng để tối ưu hóa các quy trình, sử dụng các công nghệ như IoT và trí tuệ nhân tạo để tăng cường quy trình vận chuyển và lưu trữ; Các doanh nghiệp cần đào tạo nhân viên của mình về các kỹ năng số hóa để đảm bảo rằng họ có đủ nhân lực để thực hiện chuyển đổi số trong các dịch vụ logistic và hỗ trợ khách hàng. Điều này có thể bao gồm đào tạo về phần mềm, công nghệ và các kỹ năng khác liên quan đến chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

[1] Brennen, J.S and Kreiss, D., "Digitalization", in Jensen, K.B., Rothenbuhler, E.W., J.D and Craig, R.T. (Eds). The International Encyclopedia of Communication Theory and Philosophy, Wiley-Blackwell, Chichester, pp. 556-566, 2016.

[2] Thomas M. Siebel, Chuyển đổi số (Digital Transformation), Phạm Anh Tuấn dịch, 2019. Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019.

[3] Matzler, K., Bailom, F., von den Eichen, S.F. and Anschober, M., Digital Disruption. Wie Sie Ihr Unternehmen auf das digitale Zeitalter vorbereiten, Vahlen, München, 2016.

[4] Bùi Đức Hưng, Chuyển đổi số - lợi ích của doanh nghiệp dưới góc nhìn khoa học quản lý kinh tế. Nghiên cứu trao đổi – Trường Đại học Mở Hà Nội, 2021.

[5] Chử Bá Quyết, Khám phá các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số thành công của các doanh nghiệp Việt Nam. Tạp chí Khoa học & Đào tạo ngân hàng. Số 233. Tr. 57-70, 2021.

[6] Sorko, S. R. Kreil, Personalentwicklung im Wandel der vierten industriellen (R)Evolution, in: Fachhochschule Des Bfi Wien Gmbh (Edt.), Brücken Bauen – Perspektiven Gestalten, Tagungsband, 2016. Available at: http://ffhoarep.fhooe.at/bitstream/123456789/744/1/130_243_Sorko_FullPaper_dt_Final.pdf, [25.05.2023].

[7] Lê Vũ Văn và cộng sự, Chuyển đổi số tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển. Số 131, 2022.

[8] Nguyễn Thị Kim Ánh, Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số doanh nghiệp: Mô hình nghiên cứu và thang đo. Tạp chí Tài chính doanh nghiệp. Số 10/2022. Tr. 24-28, 2022.

[9] Đinh Phi Hồ, Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sỹ. NXB Phương Đông. Tr. 316, 2014.

Ngày nhận bài: 12/6/2023

Ngày hoàn thành sửa bài: 25/6/2023

Ngày chấp nhận đăng: 28/6/2023